

Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ có đoạn viết: “Trong công cuộc đổi mới, chúng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt là tư tưởng của Lenin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà nước với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội”.

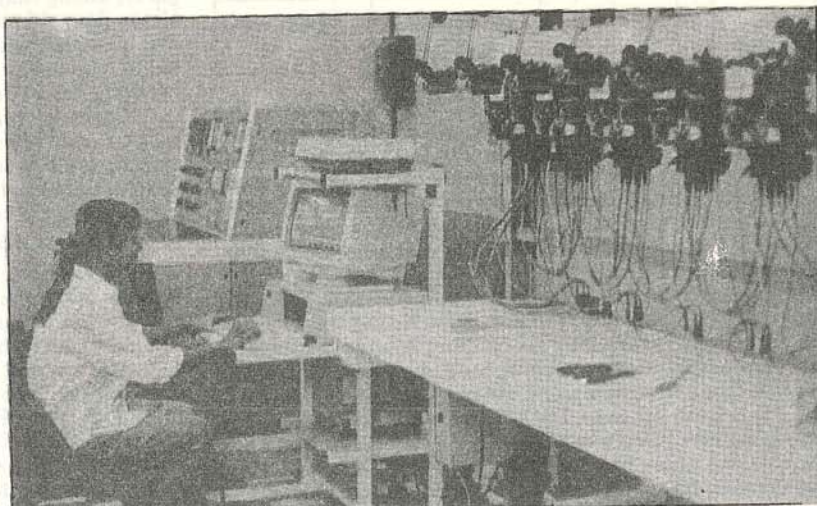
Theo Lenin, tư bản nhà nước là sự hoạt động tư bản tư nhân dưới sự kiểm kê kiểm soát của Nhà nước XHCN. Tư bản tư nhân hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh trong giới hạn của CNXH quy định. CNTB nhà nước trong thời kỳ quá độ là việc chính quyền của giai cấp vô sản cho phép chủ nghĩa tư bản hoạt động dưới sự kiểm kê kiểm soát của toàn dân đối với sản xuất và phân phối sản phẩm nhằm phát triển lực lượng sản xuất, đẩy nhanh xã hội hóa sản xuất, xây dựng nền sản xuất XHCN. Việc sử dụng CNTB nhà nước là một hình thức quá độ mềm dẻo rất cần thiết đối với những nước có trình độ phát triển trung bình và thấp bước vào thời kỳ quá độ.

Người nói: “CNTB nhà nước không có gì đáng sợ đối với chính quyền Xô Viết mà trái lại đặc điểm của nó là một loại hình kinh tế quá độ đặc thù sẽ đưa chúng ta đến CNXH bằng con đường chắc chắn nhất”. Bởi vậy chúng ta sử dụng CNTB nhà nước với mục đích:

Tận dụng tiềm năng kinh tế của CNTB để lại và tranh thủ trang bị kỹ thuật thiết bị hiện đại, kinh nghiệm quản lý kinh tế TB, tạo điều kiện thực hiện công nghiệp hóa XHCN. Khởi phục và phát triển công nghiệp lớn và thiết lập CNTB nhà nước là hai quá trình dựa chặt chẽ vào nhau. Công nghiệp hóa là chỗ dựa của Nhà nước để thiết lập CNTB nhà nước và ngược lại sự thiết lập sự phát triển của CNTB nhà nước là cái nền vững chắc cho sự phát triển của nền công nghiệp lớn... Đảm bảo sản xuất và đời sống nhân dân, đưa toàn bộ nền sản xuất hàng hóa, tư bản tư nhân đi vào quỹ đạo XHCN. Từng bước xác lập vị trí của nền kinh tế XHCN trên tất cả các lãnh vực của nền sản xuất xã hội. Đó cũng là nội dung và phương pháp vận động các tầng lớp quần chúng đặc biệt tầng lớp trí thức, tư bản tư nhân góp sức làm cho dân giàu nước mạnh. Theo Lenin: “Phải thực hiện chính sách đó (chính sách tô nhượng và mậu dịch với nước ngoài) một cách rộng rãi, kiên quyết, khéo léo và thận trọng, sử dụng chính sách đó bằng mọi cách để cải thiện đời sống của công nông, để lôi cuốn các nhà trí thức tham gia xây dựng kinh tế”. Trên cơ sở đó mà góp phần xây dựng liên minh công nông trí

VỀ VIỆC VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC VÀO NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN CHƠN TRUNG



làm nền tảng cho công cuộc đoàn kết tập hợp rải các tầng lớp nhân dân. Đồng thời, vừa xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp vừa làm công cụ chiến thắng tinh thần tàn bạo vô chính phủ, vô tổ chức của nền sản xuất nhỏ, vừa ngăn chặn tình tự phát TBCN.

Do đó chúng ta cần xác định rõ vai trò vị trí và tầm quan trọng đặc biệt của CNTB nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Nó không dừng lại ở hình thức kinh tế mà nó còn là bước đi, là chế độ chính sách kinh tế, là vấn đề kinh tế chiến lược trong thời kỳ quá độ lên CNXH. “Vì chúng ta chưa đủ điều kiện chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên CNXH. Bởi vậy trong một mức nào đó CNTB là không thể tránh khỏi, nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi, bởi vậy chúng ta phải tận dụng CNTB (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường CNTB nhà nước) làm mất xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và CNXH, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức, để tăng lực lượng sản xuất lên” (tập 43-1979-tr.276).

Từ sản xuất nhỏ lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng phải đi qua con đường tư

ban nhà nước. Đó là bước đi, là mô hình cực kỳ quan trọng mà chúng ta cần xác định rõ trong giai đoạn quá độ từ sản xuất nhỏ lên CNXH. Đó là sự kế thừa có chọn lọc khi chuyển từ chế độ tư bản sang chế độ XHCN như Lenin đã từng chỉ rõ trong chính sách kinh tế mới: “Chúng ta có thể thực hiện được CNXH hay không điều đó chính là tùy ở kết quả của chúng ta trong việc kết hợp chính quyền Xô Viết và chế độ quản lý Xô Viết với những tiến bộ mới nhất của CNTB”. Học thuyết của Lenin về CNTB nhà nước trước hết và chủ yếu là lý luận về đường lối sách lược đưa nền kinh tế tiểu nông, một nền kinh tế sản xuất nhỏ là phổ biến đi lên CNXH thông qua con đường của CNTB nhà nước. Tư tưởng cơ bản của đường lối sách lược đó là: “Thực hiện một sự quá độ qua 2 giai đoạn: trước hết đưa nền kinh tế đi lên một chế độ kinh tế quá độ theo kiểu tư bản nhà nước để rồi từ đó đi lên CNXH”. Lenin nhấn mạnh: “Trong điều kiện đó mà có người cộng sản nào-ngiã là người Mác Xít nào mơ hồ đến việc tiến ngay lên CNXH không cần phải thông qua những bước quá độ trung gian, những nấc thang phát triển trung gian thì dĩ

nhiên đó là một người không tương". Có người cho rằng khi chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường tất yếu phải trở đi trở lại chế độ TBCN, là phải tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế. Có nghĩa là phải từ bỏ chế độ XHCN, như một số nước đang lâm trong tình thế hỗn loạn, sụp đổ, không có lối thoát. Học thuyết Lenin đã chỉ rõ: ta có khả năng sử dụng nền kinh tế thị trường, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản bằng con đường tư bản nhà nước.

Một vấn đề có tính nguyên tắc trong chính sách sử dụng CNTB nhà nước là phải xác định rõ giới hạn cho phép phát triển thành phần kinh tế này trong mối tương quan cụ thể với kinh tế XHCN. "Nếu chính quyền Xô Viết-Lenin khẳng định đem tô nhượng phần lớn tài sản của mình thì như vậy hoàn toàn khờ dại, như vậy không phải là tô nhượng mà quay trở lại CNTB". Bởi vậy, Lenin đề ra nguyên tắc: "các vị trí then chốt của nền kinh tế phải thuộc về chính quyền Xô Viết".

Một mặt khác CNTB nhà nước không thể hình thành nếu thiếu chính sách tích cực của nhà nước.

Thử nhìn lại thời gian qua từ khi có NQĐH 6, ta đã vận dụng CNTB nhà nước như thế nào?

Về việc quản lý nhà nước: Chúng ta mở rộng nền kinh tế thị trường có sự quản lý điều tiết của nhà nước, là áp dụng cụ thể CNTB nhà nước trong điều kiện mới.

- Trong nước mở rộng các thành phần kinh tế, đẩy mạnh chính sách mở cửa đối với nước ngoài, đồng thời có đề ra các luật lệ để quản lý như luật đầu tư nước ngoài, luật công ty, luật kinh doanh... Từ đó ta đã bắt đầu xâm nhập được thị trường quốc tế và đạt được kết quả như Đại hội Đảng toàn quốc và báo cáo chính trị của Đại hội Đảng thành phố giữa nhiệm kỳ đã nêu. Thành quả lớn nhất là ta vượt qua được tình trạng khủng hoảng đưa nền kinh tế tăng trưởng và nối lại quan hệ bình thường với các nước. Hiện nay quản lý nhà nước thông qua tổ chức bằng pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường chưa luật hóa mọi hoạt động kinh tế. Vì vậy đã đặt thị trường vào 4 trạng huống:

+ Có mặt tự phát không quản lý được, có phần do chưa kịp đề ra các chính sách mới.

+ Có mặt lại gò bó kìm hãm sự phát triển thông qua các chính sách lỗi thời chưa kịp sửa đổi.

+ Còn nhập nhằng giữa quản lý nhà nước và phát triển kinh doanh dẫn đến quản lý nhà nước vừa ồm đồm, vừa lỏng lẻo lại vừa kém hiệu lực, buồn lười và tham nhũng từ đó có cơ hội phát triển.

+ Tình trạng chia cắt địa giới hành chính, sự ăn rả giữa các ban ngành dẫn đến mạnh ai nấy làm ngày một phát triển (thậm chí nó diễn ra ngay trong từng địa phương chứ không chỉ trung ương). Thủ tục hành chính hết sức rườm rà, chậm chạp, tùy tiện làm cản ngại lớn sự phát triển. Nếu không khắc phục tình hình trên sẽ dẫn đến hậu quả tai hại: Nhà nước không điều khiển, quản lý được phần lớn nền kinh tế thị trường và dễ bị thao túng lũng đoạn.

Trong đó lưu ý thị trường tiền tệ (đặc biệt đồng đô-la) và hàng hóa nhất là hàng hóa ngoại nhập kể cả nhập lậu và công khai. Đây là bài toán kinh tế chính trị hóc búa nhất. Để mở rộng nền kinh tế thị trường có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước yếu tố quyết định là bố trí đội ngũ cán bộ đối tác ngang tầm với nhiệm vụ mới, hoàn chỉnh về pháp luật, chính sách trên tất cả mọi hoạt động kinh tế và xóa bỏ mọi quy định lỗi thời, mọi thủ tục hành chính rườm rà, phân biệt rạch ròi giữa quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh, xóa hàng rào ngăn cách địa giới hành chính trong hoạt động kinh tế, tiếp tục kéo tỷ lệ lạm phát xuống thấp trên cơ sở quản lý chặt chẽ thị trường tiền tệ và hàng hóa, đặc biệt lưu ý quản lý đồng đô-la đang hoạt động với khối lượng lớn ngoài sự quản lý của nhà nước. Đây là lượng sống ngầm nguy hiểm mà nhà nước phải có biện pháp khắc phục nhanh chóng để tránh biến động cho nền kinh tế. Đặc biệt là phải coi việc bài trừ tham nhũng và buôn lậu là vấn đề sống còn của nền kinh tế-chính trị của ta. Đồng thời phải coi trọng việc phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội. Từng bước đưa chính sách xã hội ngang tầm chính sách kinh tế.

- Vấn đề mở cửa chính sách: tính đến ngày 25.12.1993, SCCI đã cấp phép cho 836 dự án với tổng vốn đăng ký là 7456.4 triệu USD. Riêng thành phố tổng vốn đầu tư hơn 3 tỷ 6 với trên 380 dự án. Xu hướng này sẽ tăng lên gấp bội lần trong những năm tới.

Nhưng ở đây việc thực hiện mục tiêu mà Lenin đề ra là kết hợp sự quản lý của Nhà nước với tiến bộ mới nhất, tiên tiến nhất của chủ nghĩa tư bản thì chúng ta chưa làm tốt nên tình trạng nhập thiết bị lạc hậu là khá phổ biến (từng giai đoạn có áp dụng định mức tiền tiến phù hợp).

Mặt khác ta chỉ chú trọng mở cửa bên ngoài mà chậm mở cửa bên trong, đáng lý phải mở cửa bên trong đi trước một bước hoặc đi song song với mở cửa bên ngoài để tạo điều kiện mở cửa bên ngoài tốt hơn. Vì vậy nhiều chính sách bên ngoài ưu đãi hơn chính sách bên trong. Nếu không khắc phục tình trạng này thì sẽ dẫn đến tình trạng "bội thực". Bài học "bội thực"

của Trung Quốc là một điển hình. Luật khuyến khích đầu tư trong nước ra đời là vấn đề cần thiết và quan trọng để mở cửa bên trong tạo ra nguồn lực đối trọng cần thiết cho nền kinh tế. Cơ sở hạ tầng của ta chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư và môi trường đầu tư cần phải cải thiện tốt hơn. Về chủ quan giá cả đất đai thành phố ngày càng tăng, thủ tục đầu tư chúng ta còn quá rườm rà và có giấy phép kéo dài hàng năm trời. Gần đây khi hình thành khu chế xuất có tiến bộ hơn, thủ tục cấp phép trong khu chế xuất trong vòng 1 tháng và đang cố gắng rút ngắn hơn bình quân 7 đến 10 ngày. Nhưng hiện tượng trì trệ trong cấp phép và năng lực cán bộ đối tác còn là những tồn tại lớn.

+ Về chính sách tô nhượng: Nội bật của chính sách này là ta hình thành các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung. Riêng khu chế xuất TP.HCM ta cho nhà tư bản thuê đất không quá 50 năm và có thể gia hạn nếu cần thiết để xây dựng xí nghiệp khu chế xuất. Hay để làm đường Bắc Nhà Bè - Nam Bình Chánh ta không có vốn, nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn ra xây dựng đường đổi lại ta cho họ quyền sử dụng 50 năm với 600 ha đất để xây dựng 5 cụm CN và 5 cụm dân cư...

Đây là giải pháp kinh tế cực kỳ quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế nhanh nhất theo NQ Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ. Riêng đối với thành phố, khu chế xuất sẽ là đòn bẩy, thúc đẩy nền kinh tế thành phố phát triển vượt bậc trong tương lai. Kinh nghiệm của các nước như Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia... nhờ khu chế xuất mà thúc đẩy nền kinh tế những nước này phát triển mạnh mẽ. Nhờ vậy mà họ phát triển nhanh trên đường hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước của họ.

Mặt khác ta cần soát xét lại toàn bộ chính sách tô nhượng, phải thoáng hơn nữa để đủ sức cạnh tranh với các khu chế xuất thế giới.

+ Về cổ phần hóa: Trước hết cần xác định cổ phần hóa nhằm mục đích gì? Theo tôi, cổ phần hóa trước hết là để huy động vốn, kỹ thuật, phương pháp quản lý tiên tiến trong và ngoài nước.

Để thực hiện mục đích nêu trên, phương châm là mở rộng sự phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế trên cơ sở có sự chi phối của nhà nước thông qua vai trò của kinh tế quốc doanh và thông qua các công cụ quản lý nhà nước như thuế, tài chính, ngân hàng... Chọn đối tượng cổ phần hóa cần ưu tiên cho các đơn vị làm ăn có hiệu quả tốt hoặc XN có định hướng tốt có nhiều điều kiện thuận lợi như vị trí, mặt hàng nhưng hiệu quả còn thấp do thiếu vốn, kỹ thuật và thiếu phương pháp quản lý tiên tiến. Cổ phần hóa nhằm khắc

phục 3 yếu tố này để đưa xí nghiệp lên hiệu quả cao hơn.

+ Về tỷ lệ góp vốn, Nhà nước cần ban hành luật hoặc quy chế góp vốn trong đó nhà nước luôn chiếm tỷ lệ cao hơn khoảng từ 15-30%. Mỗi một cổ đông tư bản tư nhân không định vượt quá 10%. Trên cơ sở tỷ lệ góp vốn đó mà nhà nước nắm chủ tịch hội đồng quản trị nhằm chi phối sự định hướng phát triển của XN cổ phần. Mặt khác vận động cổ đông góp vốn là từ công nhân xí nghiệp cổ phần chiếm một tỷ lệ đáng kể. Làm như thế có phải là áp đặt không? Có làm cho cổ đông ngại không? Điều quan trọng là làm sao XN hoạt động có hiệu quả và các bên cùng có lợi là cơ sở để huy động vốn cổ đông.

+ Về sử dụng đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước

Lênin rất coi trọng việc sử dụng chuyên gia tư sản. Lênin đã từng đánh giá hết mặt trái chính sách này nhưng theo ông thì không có chuyện gì phải sợ mà không dám sử dụng họ. Để vận dụng tư tưởng này của Lênin từ TW đến thành phố mấy năm qua mở rộng quan hệ bên ngoài tranh thủ cá nhân và tổ chức trên nhiều lĩnh vực, nhất là về kinh tế, để làm tư vấn cho chính quyền, các chuyên gia Việt kiều và đã gặt hái được nhiều kết quả quan trọng. Đồng thời đã và đang gọi đi đào tạo chuyên gia ngày càng nhiều ở các nước tư bản.

Bên cạnh, cần phải có chính sách thu hút nhiều chuyên gia bên ngoài, chúng ta cần quan tâm hơn nữa việc phát huy đội ngũ chuyên gia bên trong (người Việt Nam trong và ngoài nước) bằng cách rước thầy mở lớp đào tạo lại tại chỗ hoặc đưa đi tu nghiệp bên ngoài để "làm mới" lại đội ngũ chuyên gia sẵn có. Ta cần tập trung tận dụng lực lượng chuyên gia bên trong là chính, sử dụng chuyên gia bên ngoài khi rất cần thiết và trong điều kiện ta chưa có hoặc đào tạo chưa kịp.

Tuy nhiên sử dụng chuyên gia bên ngoài chủ yếu là ta học kinh nghiệm, học "cái khôn" của họ. Nhưng khi áp dụng thì không rập khuôn máy móc mà phải căn cứ vào thực tiễn của nước ta, vào hoàn cảnh đặc thù của nước ta mà chọn lọc sử dụng những kinh nghiệm hay có lợi cho đất nước. Vì vậy để sử dụng tốt đội ngũ chuyên gia tư bản ta phải có đội ngũ chuyên gia của ta đủ năng lực và đủ bản lĩnh để tiếp cận với họ. Cho nên muốn thu hút chuyên gia bên ngoài tất yếu phải tập trung cho được đội ngũ chuyên gia bên trong và phát huy đúng mức vai trò của họ.

Việc rước giảng viên nước ngoài hoặc cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu ở nước ngoài phải có quy chế chặt chẽ để quản lý, không để tình trạng tự phát như hiện nay sẽ dẫn đến hậu quả không lường được.

Đánh giá cải cách kinh tế ở Việt Nam, các chuyên gia ngoại quốc cho rằng Việt Nam đã đạt được những bước tiến bộ nhanh hơn cả Trung Quốc, có hiệu quả cao hơn cả Nga và Đông Âu cùng thời điểm. Tuy nhiên những thành tựu ấy còn mong manh và quá trình cải cách "còn nhiều lỗ hổng".

Kinh nghiệm cải cách của các nước như Ghana, Peru, Brazil, Argentina, hay những nước gần ta như Philippines và Myanmar cho thấy lúc đầu họ cũng đạt được những thành quả đáng kể nhưng sau đó cải cách mất đà, không ra khỏi được giai đoạn khởi động và cuối cùng thất bại.

Liệu Việt Nam có thành công hay không? Điều đó phụ thuộc một cách quyết định vào vai trò của nhà nước.

Bài viết này chỉ đề cập đến vai trò của nhà nước đối với động lực cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam.

NHÀ NƯỚC VÀ ĐỘNG LỰC CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

PHAN ĐÌNH QUYỀN

Tôi cho rằng việc tạo ra một môi trường cạnh tranh bình đẳng, "một sân chơi đồng nhất" kiểu kinh tế thị trường là một đòi hỏi bức bách hiện nay đối với nền kinh tế Việt Nam.

Đã thấm thía với những Hậu quả của kiểu kinh tế bao cấp, không ai trong chúng ta phủ nhận vai trò động lực kỳ diệu của cạnh tranh, nếu không kể những hạn chế của nó, có thể nói rằng không có cạnh tranh sẽ không có năng suất chất lượng và hiệu quả ngay cả xét vấn đề dưới góc độ một con người trong một guồng máy kinh tế. Do vậy bóp nghẹt cạnh tranh đồng nghĩa với việc từ chối những thứ ấy.

Hiện nay, trong khi xác định nền kinh tế nhiều thành phần là một chiến lược kinh tế lâu dài, và chúng cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, nhà nước xác định vai trò chủ đạo của kinh

tế quốc doanh. Nhưng thế nào là chủ đạo vẫn chưa được làm rõ. Thiết nghĩ, nếu đó là việc nhà nước nắm các "đài chỉ huy", các "mạch máu kinh tế chính" có ảnh hưởng quyết định đến quốc phòng và an ninh quốc gia, hay đó là việc cung cấp hàng hóa công cộng thì không một nước nào lại không xác định như thế. Phải chăng nắm vai trò chủ đạo là phải nắm nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, chiếm tỉ trọng lớn trong GDP, chiếm giữ nhiều tài nguyên và lực lượng lao động... Ở đây, hoặc vô tình hoặc cố ý có nhiều cách hiểu và cũng có lắm "kiểu vận dụng". Đó là:

Một là, nhà nước ưu đãi, che chở kinh tế quốc doanh dưới nhiều hình thức như ưu tiên cấp giấy phép xuất nhập khẩu, quota, tín dụng, quyền sử dụng đất và tạo ra một hệ thống các

